TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 4 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.

2. Bà Đỗ Mỹ Lil.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2026/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 096085008963, cấp ngày 07/01/2025, nơi cấp: Bộ Công an; Địa chỉ: Ấp Thanh Đ, xã Phú T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Tân N, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau. Nơi ở hiện nay: Ấp Thanh Đ, xã Phú T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Huỳnh Thanh T và chị Huỳnh Thị T1 chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Phú T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian đầu, giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng theo anh T trình bày đến năm 2022, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên thường xảy ra cự cải từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay, hiện anh cũng không còn tình cảm với chị T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

Về con chung, anh Huỳnh Thanh T và chị Huỳnh Thị T1 chung sống với nhau có 01 người con chung là Huỳnh Thanh Pháp, sinh ngày 02/3/2007. Hiện con đã thành niên nên khi ly hôn, anh T không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung, anh Huỳnh Thanh T khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Huỳnh Thị T1 (bị đơn) đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Phú T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 52, ngày 04/10/2006 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù, trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đều đó cho thấy bị đơn không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là có cơ sở chấp nhận.

Tuy đã được giải thích nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý hòa giải đoàn tụ và cho rằng, trường hợp Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì nguyên đơn cũng không trở về chung sống với bị đơn. Do đó, có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung là Huỳnh Thanh Pháp, sinh ngày 02/3/2007. Hiện con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, nguyên đơn không đặt ra yêu cầu gì về con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Thanh T về việc xin ly hôn chị Huỳnh Thị T1.

- Về con chung là Huỳnh Thanh Pháp, sinh ngày 02/3/2007. Hiện con đã thành niên, tự nuôi sống được nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Huỳnh Thanh T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Huỳnh Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 09/3/2026, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0002513 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Phú T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân